TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2018.
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông **Trịnh Hữu Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**
2. Bà **Võ Thị Điệp**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Kim Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 28/6 và 12/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp 2, xã T H T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: khóm M T, thị trấn M Th, huyện C L, Đồng Tháp.

Bị đơn: **Hồ Văn T**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp 2, xã T H T, huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T H T ngày 20/10/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không

còn quan T lẫn nhau nên chị và anh T đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thiện T sinh năm 1999 (hiện cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Hồ Thị Cẩm Nh sinh ngày 02/8/2005, hiện cháu Nh đang sống chung với anh T. Khi ly hôn chị đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về T sản chung: Vợ chồng không có T sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Đối với bị đơn là anh Hồ Văn T đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

**** Các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:***

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị M, anh T (bản photo);
- Trích lục khai sinh của Hồ Thiện T và Hồ Thị Cẩm Nh (bản sao);
- Trích lục kết hôn (bản sao);
- Đơn xin xác nhận ngày 02/5/2018 (bản chính);

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị M về việc yêu cầu được ly hôn với anh Hồ Văn T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - xin ly hôn và nuôi con*".

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã T H T, huyện C L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Xét thấy, bị đơn anh Hồ Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Nguyễn Thị M và anh Hồ Văn T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1997 và

có đăng ký kết hôn tại UBND xã T H T vào năm 2002 nên hôn nhân giữa chị M và anh T là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, hiện tại vợ chồng không còn sống chung, không còn quan T lẫn nhau nên chị M và anh T đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Nay do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Hồ Thiện T, sinh năm 1999 (hiện cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Hồ Thị Cẩm Nh sinh ngày 02/8/2005, hiện cháu Nh đang sống chung với anh T. Khi ly hôn chị M đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, chị M không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện nay chị M không có việc làm ổn định, thường xuyên đi xa nên không có điều kiện chăm sóc tốt cho cháu Nh; từ khi cháu Nh sống chung với anh T đến nay vẫn được đi học và phát triển bình thường, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nh tại văn bản ý kiến là hiện nay cháu Nh đang sống cùng với anh T, khi cha mẹ ly hôn cháu Nh có nguyện vọng được sống với anh T. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu Nh nên việc chị M đồng ý để cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nên chấp nhận. Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về T sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có T sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 04207 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Hồ Văn T.

- Về con chung: Anh Hồ Văn T được tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Thị Cẩm Nh, sinh ngày 02/8/2005. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con

chung. Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về T sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có T sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai số 04207 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (M lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (M lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- UBND xã T H T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên tòa

(đã ký)

Trịnh Hữu Chinh